

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 207 /CT - TCHC

Về việc công bố báo cáo tài chính năm 2022 Công ty CPĐT&XL Thành An 665 đã được kiểm toán

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội,

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đầu tư và xây lập Thành An 665
 - Mã chứng khoán: TA6.
 - Địa chỉ: 116A Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.38581489 Fax: 024.38587825
 - Người thực hiện công bố thông tin: Phương Trọng Quân – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính.

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư và xây lập Thành An 665 công bố thông tin về báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán độc lập.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/3/2023 tại đường dẫn www.congty665.com.vn, mục Quan hệ cổ đông – Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và xây lập Thành An 665 đã được kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**GIÁM ĐỐC
PHẠM VĂN THẮNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lương	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Thắng	Phó chủ tịch
Ông Tạ Đông Hà	Thành viên
Ông Dương Xuân Cường	Thành viên
Ông Phạm Nam Giang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thắng	Giám đốc
Ông Ngô Thế Vượng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Lương	Phó Giám đốc
Ông Tạ Đông Hà	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiên Phong	Trưởng ban
Bà Phạm Thúy Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Phương Quỳnh	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Số: 246/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đối chiếu, xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty. Trong đó: số nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2022 và ngày 31/12/2022 lần lượt là 79,9 tỷ đồng và 72,3 tỷ đồng; số công nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 lần lượt là 112,4 tỷ đồng và 71,6 tỷ đồng, các thủ tục kiểm toán thay thế không áp dụng được. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022, Công ty có một số khoản công nợ phải thu tồn đọng với giá trị lần lượt là 85,35 tỷ đồng và 76,21 tỷ đồng. Công ty đang trong quá trình thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản tồn đọng. Do đó chúng tôi không có cơ sở để xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập tại thời điểm đầu năm và cuối năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/14/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 24/03/2022 do: các khoản công nợ của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ và kiểm toán viên không có cơ sở để xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập của các khoản nợ phải thu tồn đọng. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022, như mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” trên đây.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		342.067.571.584	340.762.162.338
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	70.116.977.599	11.628.614.689
Tiền	111		70.116.977.599	11.628.614.689
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.653.168.863	243.683.833.762
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	138.883.603.191	157.381.742.453
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.061.673.244	2.023.715.457
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	85.707.892.428	84.278.375.852
Hàng tồn kho	140		44.295.542.730	81.147.563.519
Hàng tồn kho	141	8	44.295.542.730	81.147.563.519
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.001.882.392	4.302.150.368
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.177.004.075	4.302.150.368
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	824.878.317	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.992.523.201	16.459.541.496
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.931.766.670	5.651.766.670
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	4.931.766.670	5.651.766.670
Tài sản cố định	220		4.672.744.379	5.652.138.090
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.672.744.379	5.652.138.090
- Nguyên giá	222		23.417.084.556	24.209.574.558
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.744.340.177)	(18.557.436.468)
Tài sản dài hạn khác	260		5.388.012.152	5.155.636.736
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	5.388.012.152	5.155.636.736
TỔNG TÀI SẢN	270		357.060.094.785	357.221.703.834

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		320.286.123.365	321.189.604.865
Nợ ngắn hạn	310		320.286.123.365	321.189.604.865
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	146.503.453.835	169.970.652.945
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	66.465.449.370	53.765.185.067
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	58.288.270	1.202.152.837
Phải trả người lao động	314		497.954.307	476.547.774
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		8.784.140.999	8.488.096.834
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	46.906.879.796	46.033.299.453
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	50.231.760.021	40.422.953.395
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15.4	838.196.767	830.716.560
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.773.971.420	36.032.098.969
Vốn chủ sở hữu	410	15	36.773.971.420	36.032.098.969
Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.549.736.669	5.549.736.669
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.224.234.751	482.362.300
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		405.093	(286.226.907)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.223.829.658	768.589.207
TỔNG NGUỒN VỐN	440		357.060.094.785	357.221.703.834

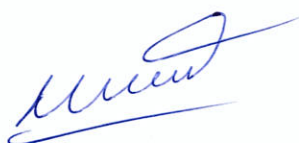
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Cán Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thương



Phạm Văn Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	268.267.394.506	213.610.765.067
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		268.267.394.506	213.610.765.067
Giá vốn hàng bán	11	17	257.493.741.438	206.028.643.142
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		10.773.653.068	7.582.121.925
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	130.208.652	246.806.289
Chi phí tài chính	22	19	3.330.964.718	874.321.127
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.330.964.718	874.321.127
Chi phí bán hàng	25	20	-	624.111.297
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	6.012.905.980	6.196.776.169
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.559.991.022	133.719.621
Thu nhập khác	31	21	-	1.047.895.110
Chi phí khác	32	22	27.480.387	152.887.451
Lợi nhuận khác	40		(27.480.387)	895.007.659
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.532.510.635	1.028.727.280
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	308.680.977	260.138.073
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.223.829.658	768.589.207
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	408	218
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	408	218

Người lập biểu

Cán Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	1.532.510.635	1.028.727.280
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	979.393.711	1.132.003.711
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(130.208.652)	(537.715.380)
Chi phí lãi vay	06	3.330.964.718	874.321.127
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	5.712.660.412	2.497.336.738
trước thay đổi vốn lưu động			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21.050.932.875	(17.401.744.071)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	36.852.020.789	(36.041.338.863)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.823.961.137)	46.890.979.793
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(232.375.416)	524.603.600
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.330.964.718)	(874.321.127)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(455.703.065)	(218.998.332)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(106.500.000)	(92.127.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	49.666.109.740	(4.715.609.262)
kinh doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(988.780.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	290.909.091
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	130.208.652	246.806.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	30	130.208.652	(451.064.620)
đầu tư			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	72.106.554.324	79.804.136.753
Tiền trả nợ gốc vay	34	(62.297.747.698)	(76.912.268.208)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.116.762.108)	(611.008.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.692.044.518	2.280.859.963
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	58.488.362.910	(2.885.813.919)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	11.628.614.689	14.514.428.608
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	70.116.977.599	11.628.614.689

Người lập biểu

Cán Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



Phạm Văn Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 tiền thân là Công ty Xây lắp 665 thuộc Tổng Công ty Thành An - Bộ Quốc phòng, được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 72/QĐ-BQP ngày 08/01/2009, Quyết định số 3594/QĐ-BQP ngày 31/10/2008 và Quyết định số 816/QĐ-BQP ngày 08/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100385603 do Phòng đăng ký kinh doanh số 03 thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 30.000.000.000 đồng; tương đương 3.000.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 84 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 101 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**Lĩnh vực kinh doanh**

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông và thủy lợi;
- Bán vật liệu thiết bị điện, dây động lực;
- Cho thuê máy móc thiết bị.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh đối với hoạt động thương mại, dịch vụ của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng và đối với hoạt động xây lắp phụ thuộc vào thời gian thi công của từng công trình theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty và Chủ đầu tư, thường có thời gian trên 12 tháng.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 02 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Các khoản phải trả Tổng Công ty Thành An (Công ty mẹ) được Công ty trình bày là khoản phải trả nội bộ trên Báo cáo tài chính.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thông nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

3.14 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.14 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày dưới thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	163.796.340	648.588.786
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.953.181.259	10.980.025.903
Cộng	70.116.977.599	11.628.614.689

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	5.388.012.152	5.155.636.736
Tiền phạt chậm nộp thuế còn dư - Chờ điều	5.065.065.243	5.065.065.243
- chính với Cục thuế Hà Nội (*)		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	322.946.909	90.571.493
Cộng	5.388.012.152	5.155.636.736

(*) Đây là số tiền chậm nộp thuế từ các năm trước nhưng đã được Cục thuế Thành phố Hà Nội xác định là do các khoản nợ phải thu của chủ đầu tư có Nguồn gốc Ngân sách chậm thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	138.883.603.191	-	157.381.742.453	-
- Công ty Cổ phần Long Hậu	18.824.260.062	-	18.714.497.085	-
- Tổng Công ty Thành An (Công trình Bệnh viện Bạch Mai)	23.245.845.000	-	23.245.845.000	-
- Bộ ngoại giao (Công trình hầm thoát hiểm)	10.128.266.329	-	10.128.266.329	-
- Ban quản lý Dự án Khu đô thị Việt Hàn	7.589.135.832	-	6.910.938.414	-
- Phải thu khách hàng dài hạn khác	79.096.095.968	-	98.382.195.625	-
b) Dài hạn	4.931.766.670	-	5.651.766.670	-
- Phải thu khách hàng dài hạn khác	4.931.766.670	-	5.651.766.670	-
Cộng	143.815.369.861	-	163.033.509.123	-

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	85.707.892.428	-	84.278.375.852	-
- Phải thu các chủ nhiệm về nợ gốc tiền thực hiện công trình	19.554.204.998	-	20.082.445.375	-
+ Phải thu chủ nhiệm Nguyễn Hải Bằng	4.517.404.523	-	4.517.404.523	-
+ Phải thu chủ nhiệm Hoàng Chí Tùng	3.903.024.576	-	3.953.424.576	-
+ Phải thu các chủ nhiệm khác	11.133.775.899	-	11.611.616.276	-
- Phải thu các chủ nhiệm về lãi ứng tiền thực hiện công trình	17.606.062.690	-	17.606.063.436	-
+ Phải thu chủ nhiệm Nguyễn Hải Bằng	13.641.020.320	-	13.641.020.320	-
+ Phải thu các chủ nhiệm khác	3.965.042.370	-	3.965.043.116	-
- Tạm ứng	8.847.766.136	-	8.076.675.495	-
- Ký cược, ký quỹ	6.630.000.000	-	3.530.000.000	-
- Phải thu các chủ nhiệm tạm ứng thi công	27.312.621.422	-	28.980.830.712	-
+ Phải thu Chủ nhiệm Vũ Văn Thượng - Công trình Cầu đờng Huội Quang	4.213.888.821	-	4.213.888.821	-
+ Phải thu Chủ nhiệm Hita Trung Văn - Công trình Hạ tầng Đại học Tây Bắc	4.043.304.741	-	4.043.304.741	-
+ Phải thu các chủ nhiệm khác	19.055.427.860	-	20.723.637.150	-
- Phải thu khác	5.757.237.182	-	6.002.360.834	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	85.707.892.428	-	84.278.375.852	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	7.895.223.927	13.332.675.774	2.877.720.630	103.954.227	24.209.574.558
- Bàn giao về Tổng Công ty theo biên bản bàn giao số 191/BB-BQP	(792.490.002)	-	-	-	(792.490.002)
31/12/2022	7.102.733.925	13.332.675.774	2.877.720.630	103.954.227	23.417.084.556
HAO MÓN LŨY KẾ					
01/01/2022	(3.344.187.091)	(12.231.574.520)	(2.877.720.630)	(103.954.227)	(18.557.436.468)
- Khấu hao trong năm	(458.414.372)	(520.979.339)	-	-	(979.393.711)
- Bàn giao về Tổng Công ty theo biên bản bàn giao số 191/BB-BQP	792.490.002	-	-	-	792.490.002
31/12/2022	(3.010.111.461)	(12.752.553.859)	(2.877.720.630)	(103.954.227)	(18.744.340.177)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	4.551.036.836	1.101.101.254	-	-	5.652.138.090
31/12/2022	4.092.622.464	580.121.915	-	-	4.672.744.379

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 13.760.447.648 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 11.559.190.269 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	505.581.102	-	756.898.501	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.631.124.928	-	61.724.718.157	-
Hàng hóa	4.158.836.700	-	18.665.946.861	-
Cộng	44.295.542.730	-	81.147.563.519	-

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngân hạn	146.503.453.835	146.503.453.835	169.970.652.945	169.970.652.945
- Công ty Cổ phần Eurowindow	9.472.912.237	9.472.912.237	10.709.908.318	10.709.908.318
- Công ty TNHH Sài Gòn Logistics	22.987.484.905	22.987.484.905	22.987.484.905	22.987.484.905
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại An Tôn	5.282.963.500	5.282.963.500	-	-
- Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong	4.237.362.180	4.237.362.180	4.487.362.180	4.487.362.180
- Phải trả người bán ngân hạn khác	104.522.731.013	104.522.731.013	131.785.897.542	131.785.897.542
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	146.503.453.835	146.503.453.835	169.970.652.945	169.970.652.945

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn				
- Nhà máy Z131 - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	66.465.449.370	66.465.449.370	53.765.185.067	53.765.185.067
- Bệnh viện phụ sản Trung ương - Cơ sở 2	21.045.118.922	21.045.118.922	-	-
- Công ty Cổ phần quốc tế Đông Á Hà Nội	35.172.319.459	35.172.319.459	-	-
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Mua sắm tập trung thuộc cục Kế hoạch tài chính Bộ Tư pháp	-	-	10.567.527.693	10.567.527.693
- Người mua trả tiền trước ngân hàng khác	-	-	9.167.408.476	9.167.408.476
	10.248.010.989	10.248.010.989	34.030.248.898	34.030.248.898
b) Dài hạn				
Cộng	66.465.449.370	66.465.449.370	53.765.185.067	53.765.185.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất

01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2022
VND	VND	VND	VND
616.420.828	-	616.420.828	-
155.703.065	308.680.977	455.703.065	8.680.977
26.460.393	68.518.490	45.371.590	49.607.293
403.568.551	-	403.568.551	-
1.202.152.837	377.199.467	1.521.064.034	58.288.270

01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2022
VND	VND	VND	VND
-	-	824.378.317	824.378.317
-	6.500.000	7.000.000	500.000
-	6.500.000	831.378.317	824.878.317

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Các loại thuế khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	50.231.760.021	50.231.760.021	72.106.554.324	40.422.953.395
Ngân hàng Quân Đội - chi nhánh Thanh Xuân (1)	13.888.889.235	13.888.889.235	26.732.314.328	18.400.811.011
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Cầu Giấy (2)	36.342.870.786	36.342.870.786	45.374.239.996	43.896.936.687
Cộng	50.231.760.021	50.231.760.021	72.106.554.324	40.422.953.395

Thuyết minh chi tiết cho các khoản vay:

(1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/43756/HĐTD ngày 09/11/2021 và Hợp đồng tín dụng số 01/2022/43756/HĐTD ngày 29/11/2022 các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 123.000.000.000 đồng, trong đó Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn cấp hạn mức: theo từng hợp đồng cụ thể.
- + Lãi suất cho vay: Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Phương thức bảo đảm: Được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc ký quỹ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân, theo hợp đồng số 21081.21.003.5033.TD ngày 28/04/2021 và Văn bản sửa đổi HĐ ký ngày 19/04/2022.

Thông tin theo Văn bản sửa đổi HĐ ký ngày 19/04/2022 thay đổi thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày 19/04/2022 thành hạn mức cấp tín dụng đến ngày 19/06/2022 hoặc cho đến khi có thông báo tái cấp hạn mức đối với khách hàng. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 31/12/2022 Ngân hàng chưa hoàn thiện hợp đồng mới cấp thêm thời hạn cho hợp đồng tín dụng.

+ Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng, trong đó Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp;

+ Thời hạn vay: Quy định trong từng văn bản nhận nợ;

+ Lãi suất cho vay: Quy định theo từng văn bản nhận nợ hoặc thả nổi có điều chỉnh;

+ Phương thức bảo đảm: Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thi công và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang và các tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện; Tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ phương án cấp tín dụng của MB; Bảo lãnh của bên thứ ba và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác; Các tài sản bảo đảm khác cho các nghĩa vụ trả nợ và Khách hàng, biện pháp bảo đảm khác mà khách hàng, bên thứ ba dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách hàng;

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	46.906.879.796	46.033.299.453
- Kinh phí công đoàn	524.207.248	516.925.420
- Bảo hiểm xã hội	20.938.704	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.569.043.704	2.418.805.812
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.792.690.140	43.097.568.221
+ <i>Phải trả ngân sách về khoản chậm nộp thuế</i>	<i>5.658.018.514</i>	<i>7.424.306.514</i>
- <i>chờ điều chỉnh với cục thuế TP. Hà Nội</i>		
+ <i>Phải trả chủ nhiệm tiền tạm ứng thi công</i>	<i>35.406.852.939</i>	<i>34.641.905.590</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>3.727.818.687</i>	<i>1.031.356.117</i>
b) Dài hạn	-	-
Cộng	46.906.879.796	46.033.299.453

(*) Đây là số tiền chậm nộp thuế từ các năm trước những đã được Cục thuế TP. Hà Nội xác định là do các khoản Nợ phải thu Chủ đầu tư có nguồn gốc Ngân sách chậm thanh toán. Công ty đã và đang làm việc với Cục thuế TP. Hà Nội để xác định nghĩa vụ thực tế phải nộp. Căn cứ vào Công văn số 59038/CTHN-QLN ngày 01/12/2022 của Cục thuế TP. Hà Nội về việc xác nhận nợ thuế, số tiền chậm nộp Công ty còn phải nộp Ngân sách Nhà nước là 5.658.018.514 đồng bằng với số tiền Ngân sách Nhà nước xác nhận chưa thanh toán và được phân loại là nợ chờ điều chỉnh và không tính tiền chậm nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	30.000.000.000	5.549.736.669	3.301.888.807	38.851.625.476
- Lãi trong năm trước	-	-	768.589.207	768.589.207
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.955.665.000)	(2.955.665.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(683.450.000)	(683.450.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(2.116.800.000)	(2.116.800.000)
+ Quyết toán lương, thù lao HĐQT, BKS	-	-	(155.415.000)	(155.415.000)
- Giảm khác	-	-	(632.450.714)	(632.450.714)
31/12/2021	30.000.000.000	5.549.736.669	482.362.300	36.032.098.969
01/01/2022	30.000.000.000	5.549.736.669	482.362.300	36.032.098.969
- Lãi trong năm nay	-	-	1.223.829.658	1.223.829.658
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(380.980.207)	(380.980.207)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(113.980.207)	(113.980.207)
+ Chia cổ tức	-	-	(267.000.000)	(267.000.000)
- Giảm khác (**)	-	-	(100.977.000)	(100.977.000)
31/12/2022	30.000.000.000	5.549.736.669	1.224.234.751	36.773.971.420

(*) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 400/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665.

(**) Xử lý khoản lỗ công trình, phạt chậm nộp thuế (trước cổ phần hóa) theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 400/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665.

15.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tổng Công ty Thành An	15.801.000.000	15.801.000.000
- Ông Phạm Văn Thắng	3.088.550.000	3.088.550.000
- Ông Lê Đình Tài	1.900.000.000	1.900.000.000
- Ông Vũ Văn Dũng	1.800.000.000	1.800.000.000
- Các cổ đông khác	7.410.450.000	7.410.450.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	267.000.000	2.116.800.000

15.4 CÁC QUỸ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.549.736.669	5.549.736.669

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Doanh thu bán hàng	34.286.266.292	88.165.082.171
- Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị, ki-ốt	821.890.908	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	233.159.237.306	125.445.682.896
Cộng	<u>268.267.394.506</u>	<u>213.610.765.067</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	33.290.347.944	85.513.767.830
- Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị, ki-ốt	119.033.734	-
- Giá vốn hoạt động xây lắp	224.084.359.760	120.514.875.312
Cộng	<u>257.493.741.438</u>	<u>206.028.643.142</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	130.208.652	246.806.289
Cộng	<u>130.208.652</u>	<u>246.806.289</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	3.330.964.718	874.321.127
Cộng	3.330.964.718	874.321.127

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	6.012.905.980	6.196.776.169
- Chi phí nhân viên quản lý	3.547.098.537	3.416.305.871
- Chi phí vật liệu quản lý	126.068.601	111.746.386
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	301.191.780	367.303.256
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	172.131.850
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	990.720.994	162.228.291
- Chi phí bằng tiền khác	1.043.826.068	1.967.060.515
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng</i>	-	624.111.297
- Chi phí nhân công	-	538.008.792
- Chi phí bằng tiền khác	-	86.102.505

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	290.909.091
- Cho thuê văn phòng	-	638.296.363
- Các khoản khác	-	118.689.656
	-	1.047.895.110

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí khấu hao văn phòng cho thuê	-	84.472.592
- Các khoản chi phí khác	27.480.387	68.414.859
	27.480.387	152.887.451

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	107.638.448.889	48.963.407.124
- Chi phí nhân công	24.472.301.212	28.716.086.603
- Khấu hao tài sản cố định	979.393.711	1.047.531.119
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.741.571.263	63.400.870.887
- Chi phí bằng tiền khác	2.838.057.654	2.510.762.410
	196.669.772.729	144.638.658.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.532.510.635	1.028.727.280
Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.894.248	271.963.084
- Chi phí không hợp lệ	10.894.248	271.963.084
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1.543.404.883	1.300.690.364
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	308.680.977	260.138.073
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	308.680.977	260.138.073

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.223.829.658	768.589.207
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	113.980.207
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	408	218

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 400/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được trình bày lại là 218 VND/Cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 256 VND/Cổ phiếu).

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó chỉ tiêu này được xác định bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thành An	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thành An 116	Trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thành An 117	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	Công ty con của Công ty mẹ
Ban điều hành 11S – Tổng Công ty Thành An	Trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Thành An 115	Trực thuộc Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng Công ty Thành An		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	6.691.117.275
Mua hàng	333.469.865	275.584.953
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386		
Mua hàng	164.119.032	-
Công ty Cổ phần Thành An 117		
Mua hàng	2.706.863.327	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Thành An 116	89.743.000	89.743.000
Ban điều hành 11S - Tổng Công ty Thành An	26.650.000	26.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	339.737.816	339.737.816
Tổng Công ty Thành An	37.067.725.425	36.429.190.329
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Thành An	65.854.945	185.863.779
Phải trả người bán		
Xí nghiệp Thành An 115	197.552.122	197.552.122
Công ty Cổ phần Thành An 117	1.285.571.710	-
Phải trả nội bộ		
Tổng Công ty Thành An	8.784.140.999	8.488.096.834

Thu nhập của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị, ban kiểm soát

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:		
Thu nhập của Ban giám đốc	592.200.000	564.800.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	37.341.818	128.900.000
Cộng	629.541.818	693.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Thù lao, tiền lương thành viên Hội đồng quản trị			
Tạ Đông Hà	Thành viên HĐQT	7.636.364	18.000.000
Dương Xuân Cường	Thành viên HĐQT	7.636.364	18.000.000
Phạm Nam Giang	Thành viên HĐQT	7.636.364	10.500.000
Cộng		22.909.092	46.500.000
Thù lao, tiền lương thành viên Ban kiểm soát			
Nguyễn Tiên Phong	Trưởng ban kiểm soát	4.810.909	66.400.000
Nguyễn Phương Quỳnh	Thành viên ban kiểm soát	4.810.909	9.600.000
Phạm Thúy Loan	Thành viên ban kiểm soát	4.810.909	6.400.000
Cộng		14.432.727	82.400.000
Tiền lương, thưởng của Giám đốc và người quản lý khác			
Phạm Văn Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc	216.200.000	220.800.000
Ngô Thế Vượng	Phó Giám đốc	94.000.000	96.000.000
Tạ Đông Hà	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	94.000.000	56.000.000
Lê Văn Lương	Chủ tịch HĐQT - Phó Giám đốc	188.000.000	192.000.000
Cộng		592.200.000	564.800.000

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Thành An 665 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Cấn Thị Thúy Nga

Nguyễn Xuân Thương

Phạm Văn Thắng